

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110 /2025/KDTM-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Ròi
- Bà Phan Thị Xuân Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 30/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST- KDTM ngày 13 tháng 03 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 558/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 525/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; Địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn Đ – Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 3;

Ông Đ uỷ quyền lại cho: Ông Lê Đình M – Chuyên viên xử lý nợ, ông Đặng Trọng D – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 96, C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T;

Địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 12, đường T128, ấp 12, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ trụ sở do bị đơn cung cấp: Số 99, đường C, tổ 07, ấp 6, xã P, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú H – Giám đốc; Đăng ký thường trú: Số 214, đường N, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 214, đường N, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh;

Có người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hà Mạnh H1, sinh năm 2000; Ông Trần Thanh H2; Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu 4, số 208, Đì, phường V, Quận 3 (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh; (Theo Giấy uỷ quyền ngày 25/4/2025 của ông Phạm Phú H là người đại diện theo pháp luật của bị đơn).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Phạm Phú H, sinh năm 1991, CCCD số: 079091006353, cấp ngày 12/01/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Số 214, đường N, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 214, đường N, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh;

3.2/ Ông Trần Minh T, sinh năm 1973; CCCD số: 079073014107, cấp ngày 22/11/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Số 38, đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số 38, đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, đơn sửa đổi bổ sung ngày 12/02/2025 và các lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Công ty TNHH TMSX Sợi T (gọi tắt là “Công ty T”) đã ký thoả thuận vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt là VPBank) theo các Hợp đồng và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số: Q11/22064 ngày 29/3/2022; số tiền cho vay: 357.000.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu đồng); Mục đích: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô tải ISUZU, mới 100%, theo HĐMB số: 0007/NH/HĐMB-TBSG/01-2022 ngày 05/01/2022. Thời hạn cho vay: 48 tháng (bốn mươi tám tháng).

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: CLC-8694-01 ngày 23/12/2023; hạn mức cho vay: 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất sợi. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng (mười hai tháng).

Theo các văn kiện tín dụng kèm theo, Công ty Tân Hoàng Tiến vay vốn tại VPBank với tổng số tiền nhận nợ là 2.364.269.493 đồng, theo các Khế ước nhận nợ như sau:

Hợp đồng cho vay số: Q11/22064 ngày 29/3/2022 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ lần: 01/Số: Q11/22064-01 ngày 30/3/2022; Số tiền vay: 357.000.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu đồng); Thời hạn vay: 48 tháng (bốn mươi tám tháng); Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh như sau: Trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ ngày giải ngân của Khế ước nhận nợ này: Lãi suất được cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/10/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/01/2023. Mức lãi suất điều chỉnh bằng bằng Lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của Bên Ngân hàng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh + 4%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng

trả nợ gốc cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 5. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 05/4/2022. Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay trả tiền lãi cho bên ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 5. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/4/2022.

Hợp đồng cho vay số: CLC-8694-01 ngày 23/12/2023 được giải ngân theo các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ Số 220124-4521622-ONL-50 ngày 22/1/2024; Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 15.9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh như sau: Lãi suất được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 22/02/2024. Mức lãi suất điều chỉnh bằng bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh 9.8%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng thanh toán hết toàn bộ nợ gốc của khế ước này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 15/7/2024. Các kỳ trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/2/2024.

Khế ước nhận nợ Số 230124-4521622-ONL-51 ngày 23/1/2024; Số tiền vay: 600.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 15.9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh như sau: Lãi suất được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/02/2024. Mức lãi suất điều chỉnh bằng bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh 9.8%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng thanh toán hết toàn bộ nợ gốc của khế ước này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 15/7/2024. Các kỳ trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/2/2024.

Khế ước nhận nợ số 240124-4521622-ONL-52 ngày 24/1/2024; Số tiền vay: 670.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 15.9%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh như sau: Lãi suất được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/02/2024. Mức lãi suất điều chỉnh bằng bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/ lần tại thời điểm điều chỉnh 9.8%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng thanh toán hết toàn bộ nợ gốc của khế ước này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 15/7/2024. Các kỳ trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/2/2024.

Khế ước nhận nợ Số 250124-4521622-ONL-53 ngày 25/1/2024; Số tiền vay: 880.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất và các kỳ trả nợ: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 16,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh như sau: Lãi suất được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần.

Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/02/2024. Mức lãi suất điều chỉnh bằng bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 06 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh 9.8%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Khách hàng thanh toán hết toàn bộ nợ gốc của khế ước này cho bên ngân hàng một lần vào ngày 15/7/2024. Các kỳ trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/2/2024.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Công ty T đã thế chấp tài sản như sau: Thế chấp 01 xe ô tô Nhân hiệu ISUZU, số loại: QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HBMV203606, số máy: 163S91, Biển kiểm soát số: 50H-138.81, Giấy hện đăng ký xe do Phòng CSGT – ĐBDS Công An Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng thế chấp số: Q11/22064/HĐTC ngày 29/3/2022 và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Phạm Phú H theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-01 ngày 23/12/2023 và bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Trần Minh T theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-02 ngày 23/12/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank theo các Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, toàn bộ nghĩa vụ của Công ty T đã được chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 15/9/2023.

VPBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty T, các bên có liên quan để yêu cầu hoàn trả nợ vay, thực hiện cam kết với VPBank nhưng Công ty T và các bên có liên quan cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ của Công ty T cho VPBank.

Tính đến ngày 30/9/2025, Công ty T đã thanh toán cho VPBank số tiền: 442.270.800 đồng (Trong đó, nợ gốc là: 242.730.507 đồng; nợ lãi là: 199.540.293 đồng).

Đến đến ngày 30/9/2025, Công ty T còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là: 3.037.953.545 đồng (Nợ gốc: 2.364.269.493 đồng, nợ lãi trong hạn: 30.469.940 đồng, nợ lãi quá hạn: 639.982.298 đồng, nợ lãi chậm trả: 3.231.814 đồng).

Cụ thể theo từng Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng cho vay số: Q11/22064 ngày 29/3/2022 được giải ngân theo KUNN lần 01/ số Q11/22064-01 ngày 30/3/2022, nợ tổng cộng là 133.408.408 đồng; gồm: Nợ gốc là 117.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.233.429 đồng, lãi quá hạn là 13.991.409 đồng, lãi chậm trả là 183.570 đồng.

Hợp đồng cho vay số: CLC-8694-01 ngày 23/12/2023 được giải ngân theo các Khế ước nhận nợ sau:

+ Khế ước nhận nợ số 220124-4521622-ONL-50 ngày 22/1/2024, nợ tổng cộng là 125.918.340 đồng; gồm: Nợ gốc là 97.269.493 đồng, lãi trong hạn là 1.248.564 đồng, lãi quá hạn là 27.248.745 đồng, lãi chậm trả là 151.538 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 230124-4521622-ONL-51 ngày 23/1/2024, nợ tổng cộng là 775.388.256 đồng; bao gồm: Nợ gốc là 600.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.481.079 đồng, lãi quá hạn là 166.999.199 đồng, lãi chậm trả là 907.978 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 240124-4521622-ONL-52 ngày 24/1/2024, nợ tổng cộng là 865.994.738 đồng; bao gồm: Nợ gốc là 670.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.356.180 đồng, lãi quá hạn là 186.624.370 đồng, lãi chậm trả là 1.014.188 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số 250124-4521622-ONL-53 ngày 25/1/2024, nợ tổng cộng là 1.137.243.803 đồng; bao gồm: Nợ gốc là 880.000.000 đồng, lãi trong hạn là 11.150.688 đồng, lãi quá hạn là 245.118.575 đồng, lãi chậm trả là 974.540 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Công ty T phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số tiền tính đến hết ngày 30/9/2025 là: 3.037.953.545 đồng (Nợ gốc: 2.364.269.493 đồng, nợ lãi trong hạn: 30.469.940 đồng, nợ lãi quá hạn: 639.982.298 đồng, nợ lãi chậm trả: 3.231.814 đồng).

- Yêu cầu Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

- Trường hợp Công ty T không thanh toán, thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của VPBank, VPBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ cho VPBank, chi tiết tài sản thế chấp như sau: 01 xe ô tô Nhãn hiệu ISUZU, số loại: QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HBMV203606, số máy: 163S91, Biển kiểm soát số: 50H-138.81, Giấy hẹn đăng ký xe do Phòng CSGT – ĐBDS Công An Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022.

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu của VPBank, thì ông P và ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty T tại VPBank theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện, Đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện; Văn bản phúc đáp; Đơn kiến nghị; Bản tự khai; Giấy ủy quyền số 926 ngày 16/5/2025, Văn bản ủy quyền số 15906 ngày 02/12/2024, Văn bản ủy quyền số 12546 ngày 15/10/2024, Văn bản ủy quyền 38A; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ, Quyết định bổ nhiệm nhân sự; Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp; Thỏa thuận khung cấp tín dụng; Hợp đồng cho vay ngày 23/12/2023 + Khế ước nhận nợ số 220124-4521622-ONL-50 + Khế ước nhận nợ số 230124-4521622-ONL-51; Khế ước nhận nợ số 240124-4521622-ONL-52; Khế ước nhận nợ số 250124-4521622-ONL-53; Hợp đồng cho vay ngày 29/3/2022; Hợp đồng thế chấp ngày 29/3/2022 + Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 50H-138.81; Hợp đồng bảo lãnh số CLC-8694-4521622-C-01 ngày 23/12/2023; Hợp đồng bảo lãnh số CLC-8694-4521622-C-02 ngày 23/12/2023; Chứng minh nhân dân của ông Huy, ông Thông; Bản tổng hợp dư nợ đến ngày 12/9/2025; Giấy ủy quyền số 30 ngày 28/7/2025; 06 tờ Điện báo; Bản tổng hợp dư nợ ngày 30/9/2025.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T quá trình tố tụng có người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bị đơn thừa nhận số nợ gốc và lãi như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Do thời gian vừa qua kinh tế khó khăn Công ty chưa chuẩn bị

được nguồn tiền để trả nợ. Đề nghị Ngân hàng có chính sách giảm lãi vay và giảm nợ cho Công ty từ 06 -12 tháng, để Công ty có thời gian trả nợ. Các tài liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy uỷ quyền ngày 13/5/2025, Bản tự khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Phú H, ông Trần Minh T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bị đơn có trụ sở tại xã Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến hết ngày 30/9/2025 là: 3.037.953.545 đồng; trong đó: Nợ gốc là 2.364.269.493 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.469.940 đồng, nợ lãi quá hạn là 639.982.298 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.231.814 đồng). Yêu cầu Công ty T vẫn phải tiếp tục tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp Công ty T không thanh toán khoản nợ trên theo yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu ISUZU, số loại: QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HBMV203606, số máy: 163S91, Biển kiểm soát số: 50H-138.81, Giấy hẹn đăng ký xe do Phòng CSGT – ĐBDS Công An Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2022. Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên theo yêu cầu của nguyên đơn, thì ông Phạm Phú H và ông Trần Minh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn có cơ sở xác định:

Công ty T đã ký thoả thuận vay vốn tại VPBank theo các Hợp đồng và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể: Hợp đồng cho vay số Q11/22064

ngày 29/3/2022, số tiền cho vay: 357.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay hạn mức số CLC-8694-01 ngày 23/12/2023, hạn mức cho vay: 2.250.000.000 đồng. Theo các văn kiện tín dụng kèm theo, Công ty T đã vay vốn tại VPBank với tổng số tiền nhận nợ là 2.364.269.493 đồng, theo các Khế ước nhận nợ như sau: Hợp đồng cho vay số Q11/22064 ngày 29/3/2022 được giải ngân theo Khế ước nhận nợ lần 01/số: Q11/22064-01 ngày 30/3/2022, số tiền vay: 357.000.000 đồng.

Hợp đồng cho vay số CLC-8694-01 ngày 23/12/2023, được giải ngân theo các Khế ước nhận nợ sau: Khế ước nhận nợ số 220124-4521622-ONL-50 ngày 22/1/2024, số tiền vay: 100.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 230124-4521622-ONL-51 ngày 23/1/2024, số tiền vay: 600.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 240124-4521622-ONL-52 ngày 24/1/2024, số tiền vay: 670.000.000 đồng; Khế ước nhận nợ số 250124-4521622-ONL-53 ngày 25/1/2024, số tiền vay: 880.000.000 đồng.

Chi tiết các thoả thuận (mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất, điều chỉnh lãi suất...) như phía nguyên đơn trình bày và sự thừa nhận của bị đơn trong quá trình tố tụng là đúng. Thực hiện theo thoả thuận, phía bị đơn đã nhận đủ tiền vay theo các khế ước nhận nợ trên.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bị đơn đã thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại: QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HMY203606, số máy: 163S91, biển kiểm soát số: 50H-138.81, Chủ sở hữu: Công ty T; theo Hợp đồng thế chấp số: Q11/22064/HĐTC ngày 29/3/2022 và Hợp đồng thế chấp trên đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/3/2022 (số đăng ký 1451047775).

Ngoài ra, các khoản vay nêu trên được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Phạm Phú H theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-01 ngày 23/12/2023 và bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Trần Minh T theo Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-02 ngày 23/12/2023.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ nguyên đơn được số tiền tổng cộng là 442.270.800 đồng, còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng 3.037.953.545 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình tố tụng, phía bị đơn cũng đã thừa nhận số tiền nợ gốc và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là đúng. Như vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông H, ông Thông đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn, bị đơn cung cấp và chứng cứ mà Toà thu thập được là có cơ sở.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp số: Q11/22064/HĐTC ngày 29/3/2022, đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/3/2022 (số đăng ký 1451047775) giữa các bên là hợp pháp và phù hợp quy định của pháp luật theo Điều 317, 320 của Bộ luật dân sự.

Xét Hợp đồng bảo lãnh số CLC-8694-451622-C-01 ngày 23/12/2023 được giao kết giữa ông Phạm Phú H với VPBank và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-02 ngày 23/12/2023 giữa ông Trần Minh T với VPBank; là phù hợp với định của pháp luật theo Điều 335, 336 Bộ luật dân sự. Do đó, VPBank yêu cầu trong trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ theo yêu cầu của VPBank thì ông Phạm Phú H, ông Trần Minh T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết giữa các bên là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét thấy, số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả trên lãi đối với khoản nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu là đúng và phù hợp quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên; căn cứ vào các Điều 280, 299, 317, 320, 335, 336 của Bộ luật dân sự 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc Công ty T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 30/9/2025 là: 3.037.953.545 đồng; trong đó: Nợ gốc là 2.364.269.493 đồng, nợ lãi trong hạn là 30.469.940 đồng, nợ lãi quá hạn là 639.982.298 đồng, nợ lãi chậm trả là 3.231.814 đồng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 280, 299, 317, 320, 335, 336, 340, 342, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào các Điều 7, 8, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7a, 7b, 26, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T về việc yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T có nghĩa vụ trả số tiền tổng cộng là 3.037.953.545 đồng (ba tỉ không trăm ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Buộc Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền tổng cộng là 3.037.953.545 đồng (ba tỉ không trăm ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Trong đó gồm: Nợ gốc là 2.364.269.493 đồng (hai tỉ ba trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng), lãi trong hạn là 30.469.940 đồng (ba mươi triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi đồng), lãi quá hạn là 639.982.298 đồng (sáu trăm ba mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm chín mươi tám đồng), lãi chậm trả là 3.231.814 đồng (ba triệu hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô Nhãn hiệu ISUZU, số loại: QKR77HE4, số khung: RLE1KR77HVMV203606, số máy: 163S91, biển kiểm soát số: 50H-138.81, thuộc quyền sở hữu: TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ khoản nợ trên theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T thì ông Phạm Phú H, ông Trần Minh T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-8694-451622-C-01 ngày 23/12/2023 được giao kết giữa ông Phạm Phú H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T và Hợp đồng bảo lãnh số: CLC-8694-451622-C-02 ngày 23/12/2023 được giao kết giữa ông Trần Minh T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm là 92.759.071 đồng (chín mươi hai triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn không trăm bảy mươi một đồng) buộc Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Sợi T phải nộp.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí là: 15.717.422 đồng (mười lăm triệu bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm hai

mười hai đồng), theo biên lai thu tiền số 0063799 ngày 06/3/2025; 21.089.107 đồng (hai mươi một triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm lẻ bảy đồng), theo biên lai thu tiền số 0063800 ngày 06/3/2025; 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0063801 ngày 06/3/2025; 3.056.426 đồng (ba triệu không trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng), theo biên lai thu tiền số 0063802 ngày 06/3/2025; của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan